

UỶ BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 1827/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 24 tháng 05 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng  
và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung

Dự án: Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát  
(Hóc Mẫn, Hóc Xoài, Dốc Đá, Suối Sỏ, Suối Chay)

## CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng

triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát (Hóc Mẫn, Hóc Xoài, Dốc Đá, Suối Sỏ, Suối Chay);

Căn cứ Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 13/7/2022; Quyết định số 4754/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư xây dựng dự án Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát (Hóc Mẫn, Hóc Xoài, Dốc Đá, Suối Sỏ, Suối Chay);

Căn cứ Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát (Hóc Mẫn, Hóc Xoài, Dốc Đá, Suối Sỏ, Suối Chay);

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng dự án Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát (Hóc Mẫn, Hóc Xoài, Dốc Đá, Suối Sỏ, Suối Chay);

Căn cứ Văn bản số 1631/UBND-KT ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh về việc khảo sát, thiết kế bổ sung và xử lý chống thấm cục bộ hồ chứa nước Suối Chay và Suối Sỏ, dự án Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát;

Theo Quyết định số 62/QĐ-BQL ngày 05/4/2024 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán dự án Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát (Hóc Mẫn, Hóc Xoài, Dốc Đá, Suối Sỏ, Suối Chay);

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 62/TTr-BQL ngày 17/5/2024; ý kiến thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 1572/SNN-QLXDCT ngày 17/5/2024 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 247/BC-SKHĐT ngày 23/5/2024.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung như sau:

### **I. Nội dung điều chỉnh, bổ sung dự án:**

**1. Tên dự án:** Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát (Hóc Mẫn, Hóc Xoài, Dốc Đá, Suối Sỏ, Suối Chay).

**2. Cấp quyết định Chủ trương đầu tư:** UBND tỉnh Bình Định.

**3. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

**4. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

**5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh, bổ sung:** Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Thủy lợi II.

**6. Nội dung và quy mô điều chỉnh, bổ sung:**

**6.1. Nội dung và quy mô điều chỉnh, bổ sung:**

- Bổ sung xử lý chống thấm cục bộ đập đất cho hồ chứa nước Suối Chay và Suối Sỏ nhằm bảo đảm công trình an toàn, ổn định và tăng hiệu quả khai thác sử dụng lâu dài của hồ chứa.

- Cập nhật, điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư xây dựng theo nội dung công việc đã thực hiện theo thiết kế được phê duyệt.

**6.2. Phương án thiết kế điều chỉnh, bổ sung:**

a) Hồ chứa nước Suối Chay:

- Xử lý chống thấm cục bộ vai phải đập đất đoạn từ K0+415 đến K0+600 bằng hỗn hợp xi măng và bentonite vào nền và thân đập đất tại vị trí tim đập. Cao trình đỉnh màng chống thấm từ 40,70m đến 36,00m; cao trình đáy màng chống thấm từ 32,30m đến 29,30m. Chiều dày màng chống thấm 1,50m.

- Gia cố áp mái hạ lưu đập đất từ cao trình 31,70m xuống cao trình 29,50m giáp với đồng đá hiện trạng bằng đá lát khan dày 20cm; bên dưới là lớp dăm lọc 10cm và vải lọc; giữ lại các rãnh tiêu nước bê tông hiện trạng trên mái đập.

b) Hồ chứa nước Suối Sỏ: Xử lý chống thấm cục bộ vai trái đập đất bằng hỗn hợp xi măng và bentonite vào nền và thân đập đất đoạn từ K1+55 đến K1+205. Trong đó, đoạn từ K1+55 đến K1+175 khoan phụt vào nền đập tại chân khay thượng lưu đập; cao trình đỉnh màng chống thấm từ 22,00m đến 23,00m; cao trình đáy màng chống thấm từ 15,00m đến 16,00m; đoạn từ K1+175 đến K1+205 khoan phụt vào đỉnh đập xuống nền đập; cao trình đỉnh màng chống thấm 27,80m; cao trình đáy màng chống thấm 16,00m. Chiều dày màng chống thấm 1,50m.

*(Chi tiết nội dung và quy mô điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình theo hồ sơ do đơn vị tư vấn lập, được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định tại Văn bản số 1572/SNN-QLXDCT ngày 17/5/2024)*

**7. Tổng mức đầu tư xây dựng điều chỉnh: 78.000.000.000 đồng (Bảy mươi tám tỷ đồng).**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

TT	Cơ cấu nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư được duyệt tại Quyết định số 2011/QĐUBND ngày 24/6/2022	Giá trị điều chỉnh, bổ sung (tăng (+), giảm(-))	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung
	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)
1	Chi phí xây dựng	53.021.557	+9.512.528	62.534.085
2	Chi phí thiết bị	2.107.288	+992.165	3.099.453
3	Chi phí quản lý dự án	1.361.181	-38.187	1.322.994

TT	Cơ cấu nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư được duyệt tại Quyết định số 2011/QĐUBND ngày 24/6/2022	Giá trị điều chỉnh, bổ sung (tăng (+), giảm(-))	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung
	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	8.072.168	-1.625.131	6.447.037
5	Chi phí khác	2.186.050	-867.036	1.319.014
6	Chi phí bồi thường, GPMB	2.900.000	0	2.900.000
7	Chi phí dự phòng	8.351.757	-7.974.339	377.418
	<b>Tổng cộng</b>	<b>78.000.000</b>	<b>0</b>	<b>78.000.000</b>

### 7. Các nội dung khác:

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đã được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định tại Văn bản số 1572/SNN-QLXDCT ngày 17/5/2024. Đồng thời, cập nhật các thông tin báo cáo của dự án vào Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Các nội dung khác vẫn thực hiện theo Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 24/6/2022, Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh và các văn bản của cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án.

**II. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung:** Theo như phụ lục đính kèm Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND các huyện: Phù Cát, Phù Mỹ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tự Công Hoàng**

**PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU BỔ SUNG**  
**Dự án: Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát**  
**(Hóc Mẫn, Hóc Xoài, Đốc Đá, Suối Sỏ, Suối Chay)**  
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /5/2024 của UBND tỉnh)*

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu								
1	Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT	Tư vấn lập Thiết kế BVTC và dự toán điều chỉnh, bổ sung	Lập Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán điều chỉnh, bổ sung	270.447	Vốn ngân sách trung ương <i>(Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội);</i>	Chỉ định thầu rút gọn		15 ngày	Tháng 5/2024	Trọn gói	30 ngày
2		Thi công xây dựng phần điều chỉnh, bổ sung hồ chứa nước Suối Chay, Suối Sỏ	Thi công xây dựng phần điều chỉnh, bổ sung 2 hồ chứa nước Suối Chay, Suối Sỏ	8.915.041 <i>(Trong đó:</i> <i>- Chi phí xây dựng: 8.572.155;</i> <i>- Chi phí dự phòng phát sinh khối lượng (4%): 342.886)</i>	Vốn NSNN do tỉnh quản lý và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	15 ngày	Tháng 6/2024	Trọn gói	150 ngày
<b>Tổng cộng giá trị các gói thầu: 9.185.488.000 đồng</b> <i>(Chín tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng)</i>											

**PHỤ LỤC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA CÔNG TRÌNH**  
(Kèm theo Quyết định số: \_\_\_\_\_ /QĐ-UBND ngày \_\_\_\_ / \_\_\_\_ /2024 của UBND tỉnh)

TT	Thông số	Đơn vị	Suối SỔ	Suối Chạy
<b>I</b>	<b>Cấp công trình</b>		III	III
<b>II</b>	<b>Diện tích tưới</b>	<b>ha</b>	274,00	273,00
<b>III</b>	<b>Hồ chứa</b>			
1	Diện tích lưu vực	km <sup>2</sup>	5,87	9,61
2	Mức đảm bảo tưới P	%	85	85
3	Lưu lượng đỉnh lũ ứng với các tần suất			
-	P = 1,5%	m <sup>3</sup> /s	196	271
-	P = 0,5%	m <sup>3</sup> /s	231	323
-	P = 2%	m <sup>3</sup> /s		
-	P = 1%	m <sup>3</sup> /s		
4	Mức nước dâng bình thường	m	27,5	40,05
5	MNLTK (P = 1,5%)	m	27,50	40,99
6	MNLKT (P = 0,5%)	m	27,53	41,23
7	MNLTK (P = 2%)			
8	MNLKT (P = 1%)			
9	Mức nước chết	m	20,52	31,12
10	Dung tích toàn bộ W <sub>tb</sub>	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	2,078	1,947
11	Dung tích hữu ích W <sub>hi</sub>	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	1,955	1,890
12	Dung tích chết W <sub>c</sub>	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	0,123	0,057
13	Diện tích mặt hồ tại MNDBT	ha	51.72	44.16
14	Chế độ điều tiết		Năm	Năm
<b>IV</b>	<b>Đập đất</b>			
1	Hình thức kết cấu đập		Đồng chất	Đồng chất
2	Cao trình đỉnh đập (phần đất)	m	28,5	41,30
3	Cao trình đỉnh TCS	m	29,5	42,00
4	Chiều cao đập H <sub>max</sub>	m	7.10	12.55
5	Chiều dài đỉnh đập	m	1,377.00	1,052.00
6	Chiều rộng đỉnh đập	m	5,0	5,0
7	Hệ số mái thượng lưu		3,00	3,50
8	Hệ số mái hạ lưu			
8.1	Trên cơ		3,00	2.5
8.2	Dưới cơ		3,50	3.0
9	Hình thức tiêu nước		Áp mái +rãnh tiêu nước đá lát	Rãnh thu nước, áp mái HL bằng đá lát

<b>TT</b>	<b>Thông số</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Suối Số</b>	<b>Suối Chay</b>
<b>V</b>	<b>Tràn xả lũ</b>			
1	Hình thức tràn		Tràn thực dụng, có cửa phẳng điều tiết	Tràn tự do kết hợp cửa phẳng xả sâu điều tiết
2	Ngưỡng tràn xả lũ	m	24,30	
	Phần tràn xả sâu			37,55
	Phần tràn tự do			40,05
3	Chiều rộng tràn xả lũ	m	15,00	66,00
	Phần tràn xả sâu			12,00
	Phần tràn tự do			54,00
4	Lưu lượng lũ thiết kế ( $P_{tke}$ )	m <sup>3</sup> /s	136,92	201,21
	Phần tràn xả sâu			78,93
	Phần tràn tự do			122,28
5	Lưu lượng lũ kiểm tra ( $P_{ktra}$ )	m <sup>3</sup> /s	138,68	245,37
	Phần tràn xả sâu			110,31
	Phần tràn tự do			135,06
6	Nối tiếp và tiêu năng		Tiêu năng bể	Tiêu năng bể
<b>VI</b>	<b>Cống lấy nước</b>		Làm mới nhà van hạ lưu cống	Thay thế 2 van hạ lưu cống và gia cố khuôn viên nhà che van hạ lưu
1	Chế độ chảy qua cống		Có áp	Có áp
2	Khẩu diện cống tròn (D)	m	0,60	0,50
3	Cao trình ngưỡng cống	m	19,77	30,00
4	Chiều dài cống	m	71,80	89,00
5	Lưu lượng $Q_{tk}$	m <sup>3</sup> /s	0,49	0,63